ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN NAM BỘ
ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG
Số: TVHN-268/AGIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 25 tháng 9 năm 2026

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THUỶ VĂN THỜI HẠN NGẮN TỈNH AN GIANG

1. Diễn biến tình hình thuỷ văn đã qua

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng; diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu lên chậm, khu vực nội đồng mực nước lên nhanh

- Khu vực sông Mekong tại Kratie (Campuchia): Mực nước xuống chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 24/9 trên các sông, kênh cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 20-30cm và ở mức thấp hơn TBNN từ 05-25cm. Riêng tại Khánh An, mực nước cao nhất và thấp nhất cao hơn TBNN từ 26-28cm và ở mức trên BĐ1 từ 25-28cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước lên chậm. Mực nước cao nhất ngày 24/9 cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 03-32cm. Mực nước cao nhất sông Hậu tại Long Xuyên trên BĐ2 19cm, trên rạch Ông Chưởng tại Chợ Mới trên BĐ2 26cm, trên sông Vàm Nao tại Phú Tân trên BĐ1 26cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch lên nhanh do ảnh hưởng lũ thượng nguồn và mưa nội đồng. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 24/9 cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN phổ biến từ 10-35cm. Mực nước cao nhất trên các kênh Tri Tôn, Ba Thê, Núi Chóc Năng Gù, Rạch Giá-Long Xuyên, Cái Sắn phổ biến xấp xỉ đến trên BĐ2 từ 02-08cm. Trên các kênh còn lại hầu như thấp hơn BĐ1 từ 10-20cm. Mực nước cao nhất trên kênh Vĩnh Tế tại Xuân Tô trên BĐ1 từ 24-28cm.

- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô biến đổi chậm, đỉnh triều cao nhất ngày 24/9 là 69cm (dưới BĐ1 11cm), cao hơn đỉnh triều ngày hôm trước 08cm.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh có xu thế lên chậm theo triều trong 5 ngày tới. Mực nước cao nhất tại trạm Khánh An duy trì ở mức trên BĐ1 từ 20-30cm.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước trên các sông, kênh, rạch có xu thế lên theo triều. Mực nước cao nhất trên sông Hậu tại Long Xuyên khả năng trên BĐ3 từ 20-30cm; trên Rạch Ông Chưởng tại Chợ Mới khả năng trên BĐ3 05-10cm.

- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch có xu thế lên chậm trong những ngày tới do ảnh hưởng lũ thượng nguồn về kết hợp mưa nội đồng và triều cường trên sông Hậu.

- Vùng cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày tại trạm Xẻo Rô trên sông Cái Lớn có xu thế xuống chậm theo triều trong 2-3 ngày tới, sau lên lại theo kỳ triều cường.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Xuất hiện ngập, úng khu vực trũng thấp vùng đầu nguồn sông Tiền, sông Hậu và khu vực nội đồng TGLX. Ngập lụt vùng hạ lưu sông tại các xã Chợ Mới, Nhơn Mỹ và Mỹ Hòa Hưng; ngập lụt trong khu vực đô thị tại các phường Long Xuyên, Bình Đức và Mỹ Thới....do triều cường kết hợp mưa lớn.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiện tượng ngập, úng ảnh hưởng đến giao thông và hoạt động sản xuất địa phương.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 26/9/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm ban hành bản tin

Nguyễn Thị Cẩm Loan

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ (cm)			Giá trị ngày 24/9		So với 23/9		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ1	BĐ2	BĐ3									25/9	26/9	27/9	28/9	29/9
Tiền	Tân Châu	350	400	**450**	Hmax	**343**	3	▲	27	▲	-10	▼	345	348	351	354	355
					Hmin	**315**	2	▲	25	▲	-24	▼	313	316	319	322	325
Ông Chưởng	Chợ Mới	200	250	**300**	Hmax	**276**	4	▲	20	▲	32	▲	283	293	300	305	310
					Hmin	**209**	-1	◀▶	18	▲	2	▲	209	214	224	234	238
Hậu	Khánh An	420	470	**520**	Hmax	**448**	3	▲	29	▲	26	▲	451	453	455	453	451
					Hmin	**445**	6	▲	28	▲	28	▲	447	449	451	449	447
	Châu Đốc	300	350	**400**	Hmax	**308**	4	▲	23	▲	-4	▼	312	316	320	324	325
					Hmin	**270**	2	▲	21	▲	-24	▼	271	274	277	279	280
	Long Xuyên	190	220	**250**	Hmax	**239**	4	▲	3	▲	42	▲	249	259	269	275	280
					Hmin	**147**	-1	◀▶	0	◀▶	8	▲	150	155	165	170	175
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	**330**	Hmax	**276**	4	▲	16	▲	16	▲	281	290	295	300	305
					Hmin	**217**	0	◀▶	13	▲	-11	▼	217	222	232	242	246
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	**400**	Hmax	**328**	-2	▼	56	▲	43	▲	328	328	328	329	330
					Hmin	**324**	0	◀▶	56	▲	43	▲	324	324	324	325	326
	Vĩnh Gia	200	240	**280**	Hmax	**174**	7	▲	58	▲	25	▲	176	178	180	182	183
					Hmin	**167**	4	▲	53	▲	21	▲	172	174	176	178	180
	Vĩnh Điều	170	200	**230**	Hmax	**155**	8	▲	57	▲	46	▲	157	159	161	163	164
					Hmin	**147**	4	▲	52	▲	44	▲	153	155	157	159	161
T3	Vĩnh Phú	150	180	**210**	Hmax	**136**	9	▲	43	▲	35	▲	138	140	142	144	145
					Hmin	**126**	1	◀▶	36	▲	28	▲	134	136	138	140	142
T5	Nông Trường	160	190	**220**	Hmax	**143**	7	▲	37	▲	34	▲	145	147	149	151	152
					Hmin	**136**	4	▲	33	▲	31	▲	141	143	145	147	149
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	**280**	Hmax	**184**	6	▲	13	▲	-9	▼	199	214	224	229	234
					Hmin	**178**	4	▲	8	▲	-13	▼	184	197	212	220	224
	Cô Tô	140	180	**220**	Hmax	**182**	9	▲	30	▲	34	▲	192	202	210	215	220
					Hmin	**173**	2	▲	23	▲	27	▲	179	189	199	207	212
	Nam Thái Sơn	90	120	**150**	Hmax	**122**	8	▲	25	▲	35	▲	127	132	136	140	144
					Hmin	**113**	1	◀▶	16	▲	28	▲	119	125	130	134	138
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	**250**	Hmax	**158**	8	▲	41	▲	9	▲	168	178	183	187	190
					Hmin	**150**	5	▲	35	▲	3	▲	156	164	174	180	185
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	**220**	Hmax	**187**	9	▲	29	▲	38	▲	195	200	204	208	210
					Hmin	**175**	2	▲	22	▲	30	▲	183	191	196	201	205
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	**270**	Hmax	**238**	8	▲	20	▲	25	▲	248	258	263	268	273
					Hmin	**222**	5	▲	13	▲	16	▲	228	234	240	245	250
RG-LX	Núi Sập	140	180	**220**	Hmax	**179**	9	▲	21	▲	18	▲	183	187	191	195	197
					Hmin	**156**	4	▲	13	▲	3	▲	161	167	173	178	182

RG-LX	Tân Thành	120	150	**180**	Hmax	**141**	8	▲	26	▲	31	▲	143	145	147	149	151
					Hmin	**132**	3	▲	21	▲	27	▲	138	140	142	144	146
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	**150**	Hmax	**112**	7	▲	22	▲	18	▲	114	116	118	120	122
					Hmin	**104**	2	▲	16	▲	13	▲	110	112	114	116	118
Kiên	Rạch Giá	70	80	**90**	Hmax	**67**	11	▲	22	▲	14	▲	65	61	57	60	63
					Hmin	**18**	2	▲	6	▲	20	▲	17	16	15	14	13
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	**100**	Hmax	**69**	8	▲	25	▲	19	▲	60	55	55	65	70
					Hmin	**9**	10	▲	14	▲	25	▲	6	5	0	-5	-10

Chú thích: ▲ *Cao hơn;* ▼ *Thấp hơn;* ◀▶ *Xấp xỉ;*

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm

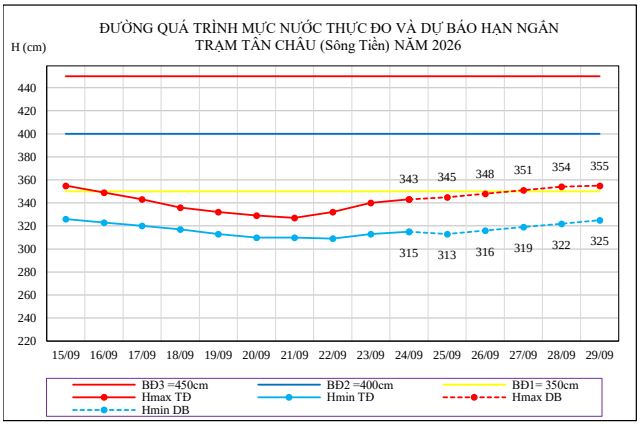

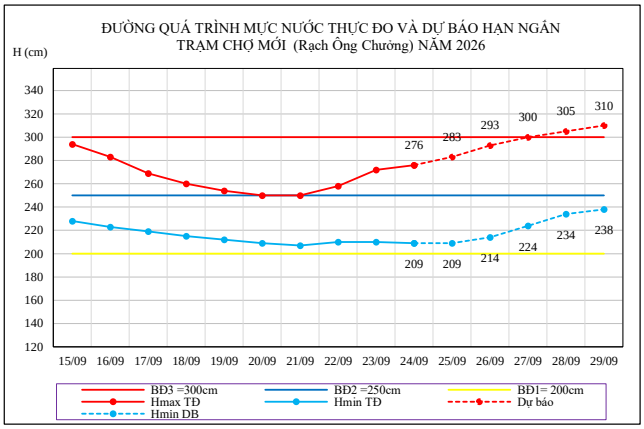

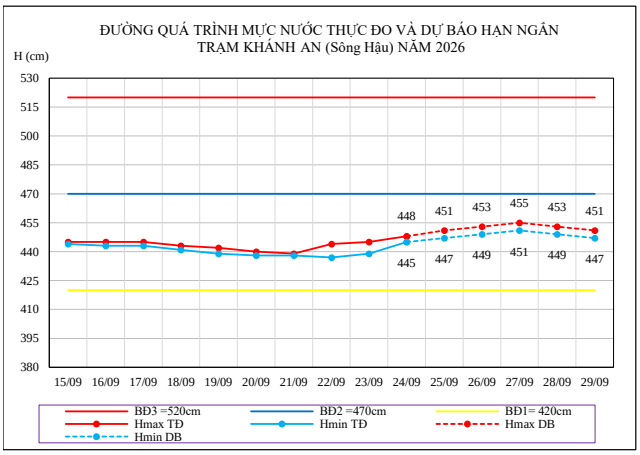

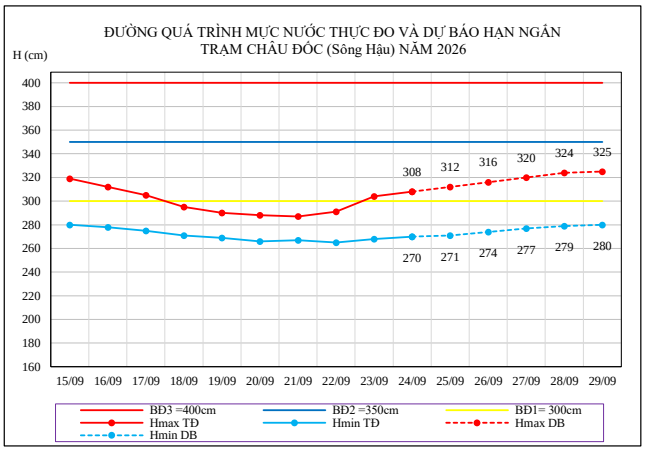

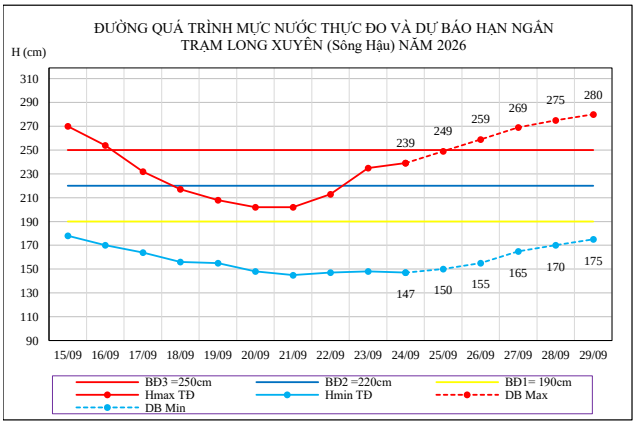

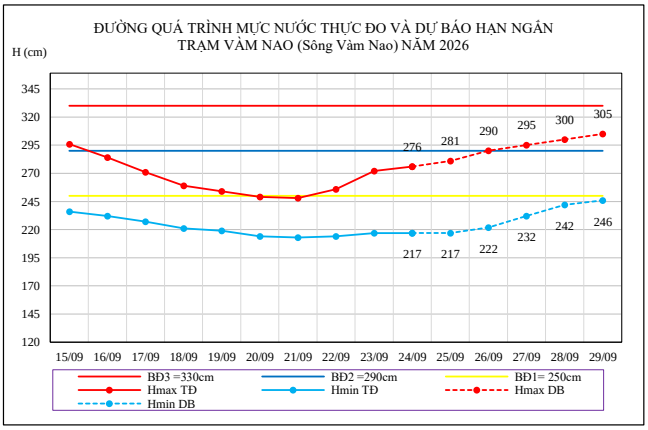

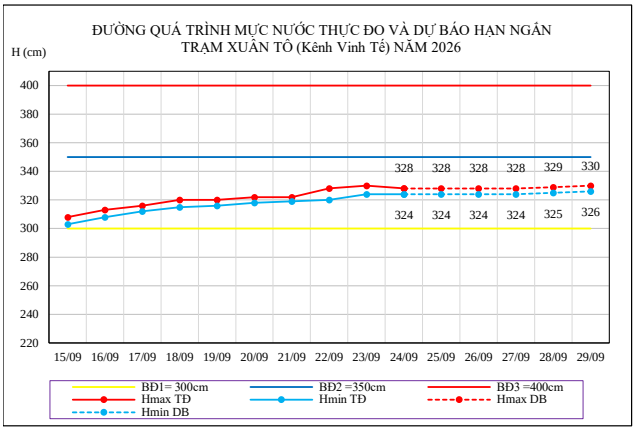
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XUÂN TÔ (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
BĐ1= 300cm
BĐ2 =350cm
BĐ3 =400cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

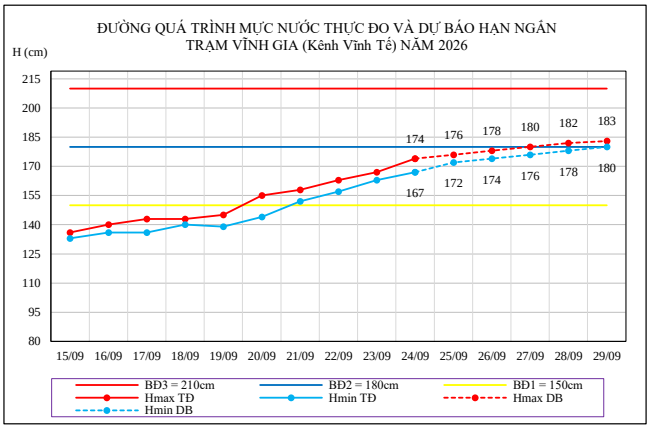
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH GIA (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 = 210cm
BĐ2 = 180cm
BĐ1 = 150cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

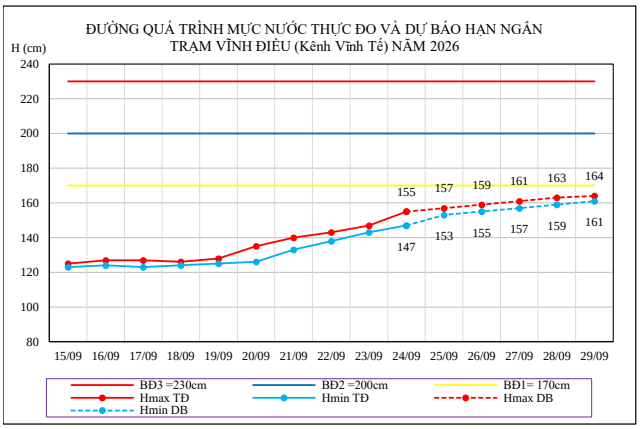
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH ĐIỀU (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =230cm
BĐ2 =200cm
BĐ1= 170cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

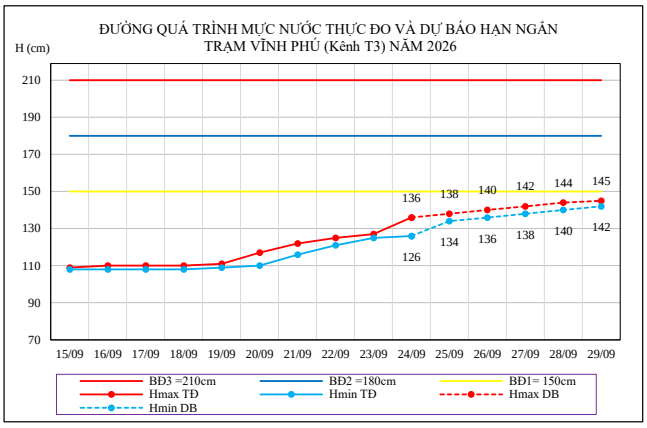
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH PHÚ (Kênh T3) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =210cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 150cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

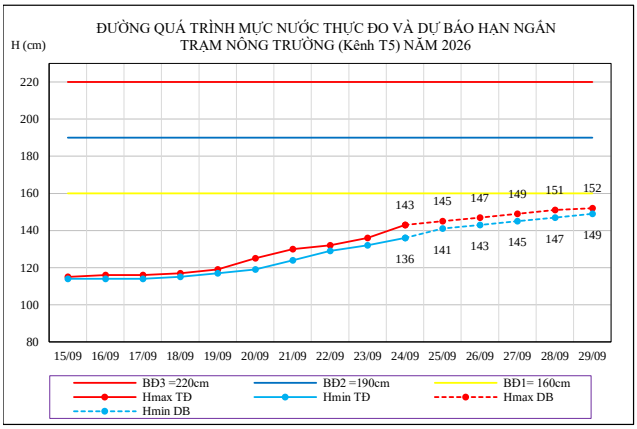
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÔNG TRƯỜNG (Kênh T5) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =190cm
BĐ1= 160cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

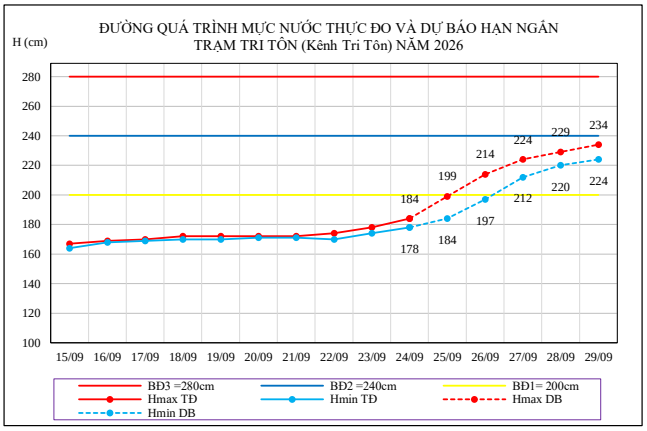
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TRI TÔN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =280cm
BĐ2 =240cm
BĐ1= 200cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

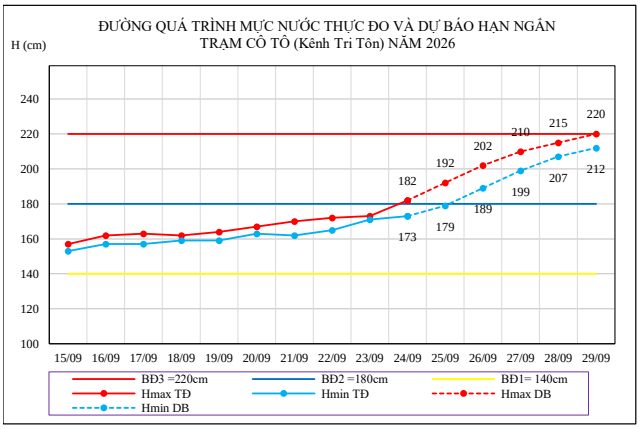
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM CỒ TÔ (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 140cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

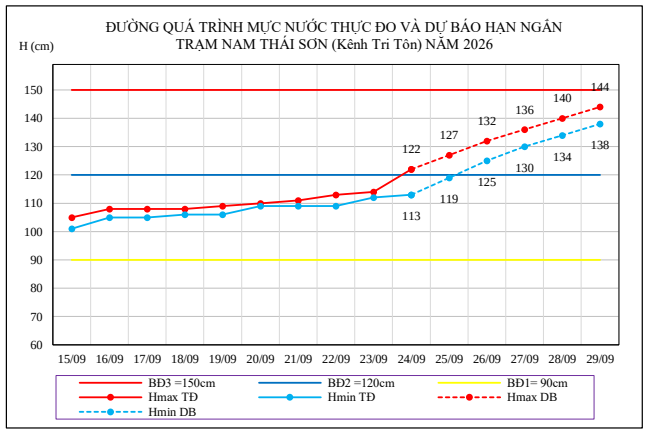
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NAM THÁI SƠN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =150cm
BĐ2 =120cm
BĐ1= 90cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

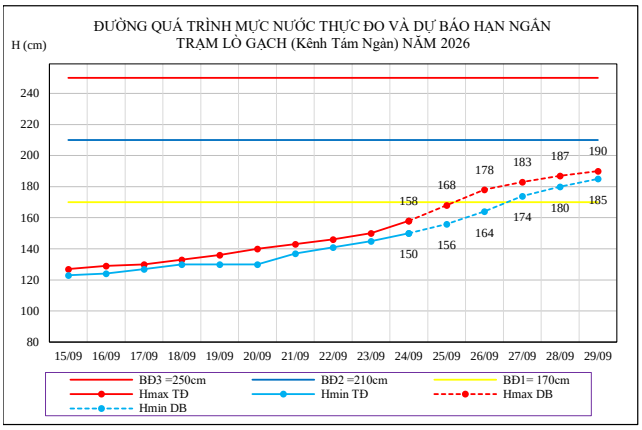
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM LÒ GẠCH (Kênh Tám Ngàn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =250cm
BĐ2 =210cm
BĐ1= 170cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

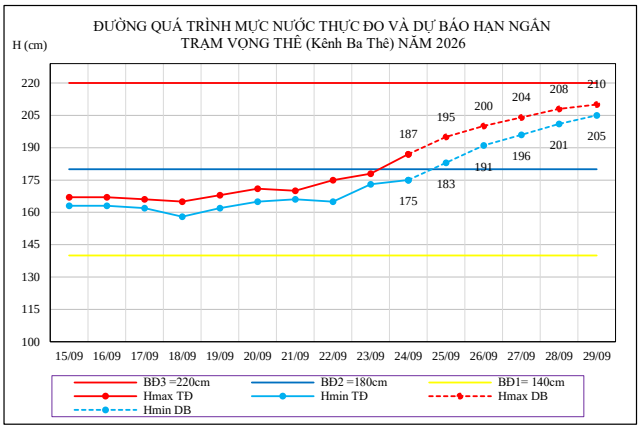
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VỌNG THÊ (Kênh Ba Thê) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 140cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

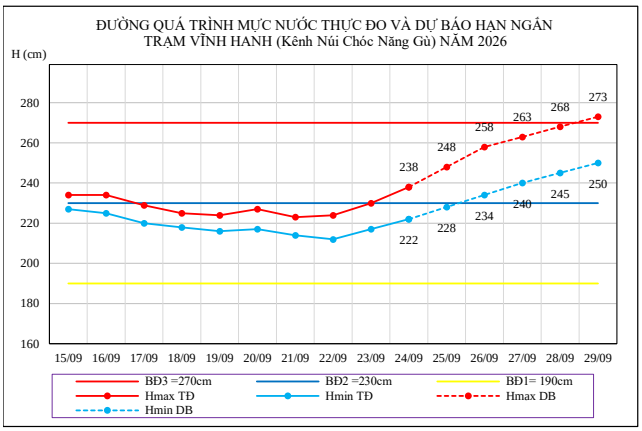
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH HANH (Kênh Núi Chóc Năng Gù) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =270cm
BĐ2 =230cm
BĐ1= 190cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

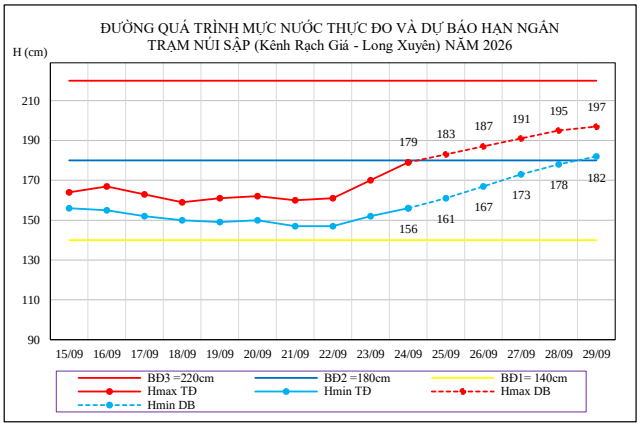
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÚI SẬP (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 140cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

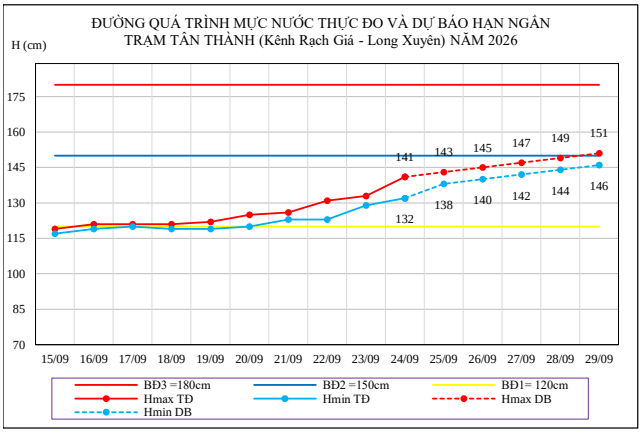
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN THÀNH (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =180cm
BĐ2 =150cm
BĐ1= 120cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

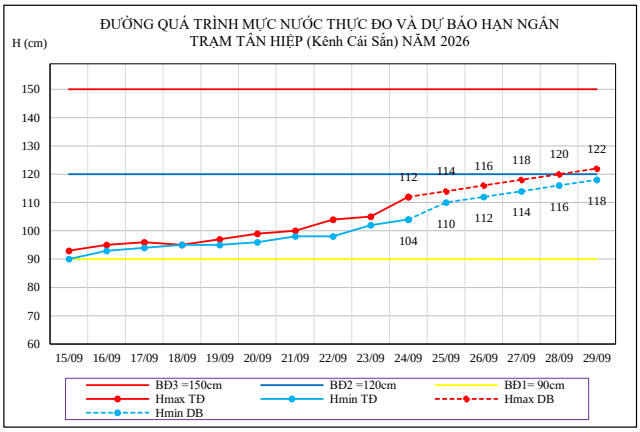
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN HIỆP (Kênh Cái Sắn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =150cm
BĐ2 =120cm
BĐ1= 90cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

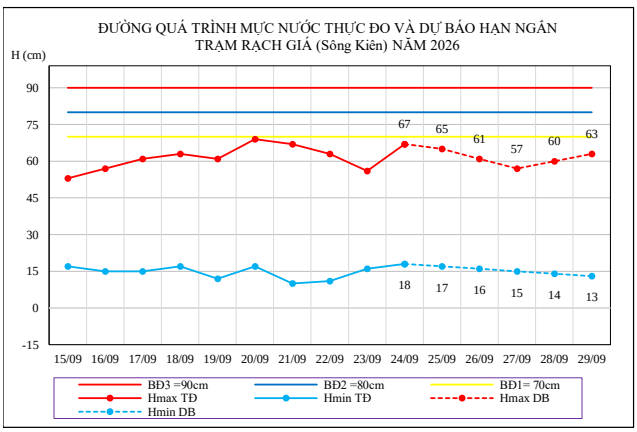
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM RẠCH GIÁ (Sông Kiên) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =90cm
BĐ2 =80cm
BĐ1= 70cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

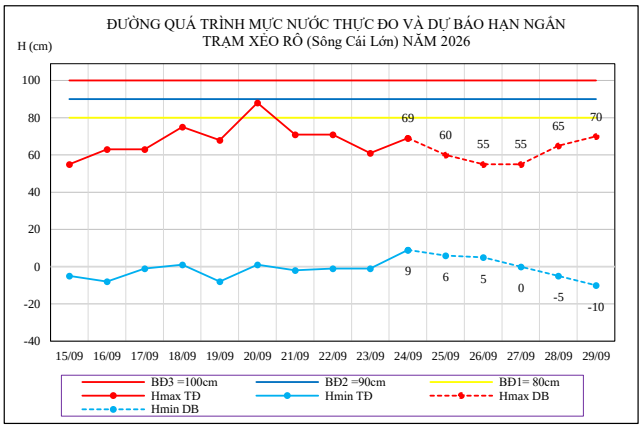
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XẺO RÔ (Sông Cái Lớn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =100cm
BĐ2 =90cm
BĐ1= 80cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB